

Số: /BC-THHHOA

Hải Xuân, ngày 05 tháng 12 năm

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
CÔNG KHAI CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO, CÁC ĐIỀU
KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ THU - CHI TÀI CHÍNH
(Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ công văn số 1313/SGDĐT-QLCL ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ quản lý chất lượng năm học 2025-2026.

Trường Tiểu học Hải Hòa đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và báo cáo như sau:

A. Báo cáo công khai thường niên:

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở giáo dục (bao gồm tên bằng tiếng nước ngoài, nếu có).

Tên trường: Trường Tiểu học Hải Hòa, xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ: Xóm Xuân Đài Tây, xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình.

Điện thoại: 0972647789

Gmail: th14haihoa@gmail.com

Website: <https://thhaihoa.ninhbinh.edu.vn/>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có).

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, nhà trường đã từng bước lớn

manh cả về số lượng và chất lượng. Sau sáp nhập thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình, Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã Hải Xuân, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường Tiểu học Hải Hòa đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường: Có đầy đủ phòng học; khu sân chơi, khu luyện tập thể dục thể thao đảm bảo nhu cầu tối thiểu cần thiết cho việc phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn có vườn trường, trú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn. Do điều kiện cơ sở vật chất ở Khu B của Trường Tiểu học Hải Hòa (tại địa bàn xóm Cồn Tròn Tây) xuống cấp trầm trọng, không đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên, Đảng ủy - UBND xã đang xây dựng phương án quy hoạch lại nên học sinh từ điểm trường khu B về học tại khu A trong khi chờ cải tạo lại. Hiện tại nhà trường còn thiếu một số phòng học bộ môn và phục vụ học tập: Phòng đa chức năng, phòng khoa học công nghệ, phòng nghỉ giáo viên, một số phòng học chưa đủ diện tích theo quy định. 04 phòng chức năng khác còn bị chuyển đổi thành lớp học. Thiết bị dạy học ở các phòng học, phòng chức năng mới đạt ở mức tối thiểu.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá, Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, sự bùng nổ công nghệ thông tin với cuộc cách mạng 4.0, chuyển đổi số, bình dân học vụ số, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển và từng bước thực hiện đúng hướng, hợp với quy luật và thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình trong giai đoạn sáp nhập thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường Tiểu học Hải Hòa được tách ra từ trường Trung học cơ sở xã Hải Hòa từ năm 1993, những ngày đầu thành lập trường gặp rất nhiều khó khăn: phải dạy ở những khu nhỏ lẻ, cơ sở vật chất thiếu thốn nhiều mặt. Từ năm 2007 đến nay trường được xây mới 18 phòng học và 8 phòng chức năng. Trường được công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I năm 2010. Trải qua 27 năm phấn đấu xây dựng, phát triển và trưởng thành đến nay, trường đã có 20 phòng học và 17 phòng chức năng, sân chơi, bãi tập, vườn trường tương đối thuận tiện trong công tác giảng dạy và học tập, đảm bảo đủ điều kiện cho sự phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ đổi mới.

Trong những năm gần đây, nhà trường đã thực hiện tốt đề án: “Đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, xây dựng kiên cố hoá trường học, mua sắm thêm trang thiết bị và đẩy mạnh xã hội hoá giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện”. Nhà trường đã phấn đấu xây dựng trường Tiểu học Hải Hoà trở thành trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn” vào tháng 7 năm 2014. Hai năm 2014; 2015 nhà trường đã vinh dự được Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu công nhận là đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Công đoàn trường đã có nhiều năm được Công đoàn giáo dục tỉnh Nam Định và công đoàn giáo dục huyện Hải Hậu tặng giấy khen. Tháng 5 năm 2016 trường được đoàn đánh giá ngoài của Sở giáo dục về kiểm tra công nhận Nhà trường đạt chuẩn Kiểm định chất lượng cấp độ 3. Tháng 12 năm 2021, nhà trường được Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định công nhận lại trường học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, trường đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn; đạt kiểm định CLGD cấp độ 3.

Khi thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, sáp nhập đơn vị hành chính theo mô hình Chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày 01/7/2025, trường Tiểu học Hải Hòa có nhiệm vụ giáo dục tiểu học trên địa bàn Xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình. Xã Hải Xuân mới thành lập từ việc sáp nhập có diện tích trên 31 km², dân số hơn 44 nghìn người, là xã ven biển nằm trên trục Quốc lộ 21. Theo vị trí được phân cấp, trường Tiểu học Hải Hòa xã Hải Xuân được giao nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học trên địa bàn xã Hải Hòa cũ có dân số trên 9700 người; cư trú ở 12 xóm. Đồng bào theo đạo Thiên chúa chiếm khoảng 70%. Là một địa phương có nhiều thành tích trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, xã có nhiều ngành nghề phát triển như: nuôi trồng thủy sản, trồng lúa, trồng cây cảnh. Kinh tế, xã hội và đời sống nhân dân tương đối ổn định.

Nhà trường luôn nhận được sự chỉ đạo cụ thể, sát sao của các cấp, sự tạo điều kiện của Sở GDĐT, của Đảng ủy - HĐND - UBND xã, sự phối hợp của các Phòng/ban CM của xã, của các đoàn thể và phụ huynh học sinh, thầy và trò

trường Tiểu học Hải Hòa không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã.

Đội ngũ giáo viên tương đối ổn định luôn nhiệt huyết và yêu nghề luôn sáng tạo năng động trong việc đổi mới trong mọi hoạt động giáo dục và dạy học, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn.

Chi bộ Đảng liên tục được công nhận Chi bộ trong sạch vững mạnh. Công đoàn trường nhiều năm được công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh.

Trong suốt quá trình trưởng thành và phát triển, trường liên tục đạt danh hiệu trường “Tập thể Lao động Tiên tiến”. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn giữ vững ở tốp khá và phát triển năm sau cao hơn năm trước. Quy mô trường lớp liên tục phát triển và ổn định. Năm học 2025-2026 trường có 20 lớp với 750 học sinh; 33 cán bộ, giáo viên, nhân viên (01 giáo viên văn hóa và 01 nhân viên Thư viện thiết bị hợp đồng).

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ: Bà Phạm Thị Yên

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Xóm Xuân Đài Tây, xã Hải Xuân, tỉnh Ninh Bình.

Số điện thoại: 0972647789

Gmail: phamthiyenthb@gmail.com

Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

b. Quyết định công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch Hội đồng trường và danh sách thành viên Hội đồng trường;

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2025-2030 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường tiểu học (ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND xã Hải Xuân. Hội đồng trường gồm 09 thành viên: Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng nhà trường; bí thư Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học

sinh.

Bà Phạm Thị Yên: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường làm Chủ tịch Hội đồng trường; Ông Phan Thanh Quang - Phó Hiệu trưởng, Phó Bí thư Chi bộ làm Phó chủ tịch hội đồng trường; Bà Nguyễn Thị Hiền làm thư kí Hội đồng trường.

c. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ sở giáo dục;

- Hiệu trưởng: Phạm Thị Yên

+ Ngày tháng năm sinh: 28/01/1971

+ Bổ nhiệm làm Hiệu trưởng trường Tiểu học Hải Hòa theo Quyết định số 3793/QĐ-UBND ngày 18/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Hải Hậu và bổ nhiệm lại theo Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hải Xuân.

+ Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 6 năm.

- Phó Hiệu trưởng: Phan Thanh Quang

+ Ngày tháng năm sinh: 24/06/1971

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Hải Hòa theo quyết định số 1312/QĐ-UBND ngày 22/2/2011 của UBND huyện Hải Hậu và bổ nhiệm lại theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Hải Xuân.

+ Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 14 năm.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục.

7. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác, kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; quy chế chuyên môn; quy tắc ứng xử.

II. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:

1. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Tiểu học Hải Hòa năm học 2025-2026.

- Trình độ đội ngũ:

| | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|--------------------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | Nhân viên kế toán | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Thủ quỹ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Nhân viên y tế | 1 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Nhân viên thư viện | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6 | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Nhân viên công nghệ thông tin | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Nhân viên hỗ trợ GD người KT | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

III. Cơ sở vật chất:

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Tiểu học Hải Hòa năm học 2025 - 2026:

| STT | Nội dung | Số lượng | Bình quân |
|------------|--|----------|--------------------------------|
| I | Số phòng học/số lớp | 20/20 | |
| II | Loại phòng học | | |
| 1 | Phòng học kiên cố | 20 | |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 0 | |
| 3 | Phòng học tạm | 0 | |
| 4 | Phòng học nhờ, mượn | 0 | |
| III | Số điểm trường lẻ | 0 | |
| IV | Tổng diện tích đất (m²) | 8125 | 10,6 m ² /học sinh |
| V | Diện tích sân chơi, bãi tập (m²) | 5637 | 7,4 m ² /học sinh |
| VI | Tổng diện tích các phòng | | |
| 1 | Diện tích phòng học (m ²) | 1025 | 1,3 m ² /học sinh |
| 2 | Diện tích thư viện (m ²) | 50 | 0,065 m ² /học sinh |
| 3 | Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²) | | |
| 4 | Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²) | 0 | |
| 5 | Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²) | 0 | |
| 6 | Diện tích phòng học tin học (m ²) | 50 | 1,25 m ² /học sinh |
| 7 | Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²) | 35 | |
| 8 | Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²) | 24 | |
| 9 | Diện tích phòng truyền thông và hoạt động Đội (m ²) | 0 | |
| VII | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: | | |

| | | | |
|-------------|--|----|--|
| | bộ) | | |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | | |
| 1.1 | Khối lớp 1 | | Dùng học liệu điện tử |
| 1.2 | Khối lớp 2 | | |
| 1.3 | Khối lớp 3 | | |
| 1.4 | Khối lớp 4 | | Dùng học liệu điện tử |
| 1.5 | Khối lớp 5 | | |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định | | Cơ bản còn thiếu, chỉ sử dụng SGK và các học liệu điện tử kết hợp đồ dùng tự làm của GV. |
| 2.1 | Khối lớp 1 | | |
| 2.2 | Khối lớp 2 | | |
| 2.3 | Khối lớp 3 | | |
| 2.4 | Khối lớp 4 | | |
| 2.5 | Khối lớp 5 | | |
| VIII | Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ) | 27 | |
| IX | Tổng số thiết bị dùng chung khác | | |
| 1 | Ti vi | 23 | |
| 2 | Cát xét | 1 | |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | 0 | |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 0 | |
| 5 | Thiết bị khác: Máy phô tô | 1 | |
| 6 | Máy in | 5 | |

| | | |
|-----------|----------------|---------------------------|
| | Nội dung | Số lượng(m ²) |
| X | Nhà bếp | |
| XI | Nhà ăn | |

| | | | | |
|-------------|----------------------------------|--|--------|-------------------------|
| | Nội dung | Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| XII | Phòng nghỉ cho HS bán trú | | | |
| XIII | Khu nội trú | | | |

| | | | | | | |
|------------|-------------------------|--------------------|-------------------|--------|-----------------------------|--------|
| XIV | Nhà vệ sinh | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m ² /học sinh | |
| | | | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 3 | 0 | 1 | 0 | 90 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

| | | | |
|--|--|----|-------|
| | | Có | Không |
|--|--|----|-------|

| | | | |
|--------------|---|---|--|
| XV | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | X | |
| XVI | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | X | |
| XVII | Kết nối internet | X | |
| XVIII | Trang thông tin điện tử (website) của trường | X | |
| XIX | Tường rào xây | X | |

IV. Kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường Tiểu học Hải Hòa đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Tiểu học Hải Hòa đã tự đánh giá chất lượng giáo dục, xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên, để được công nhận Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II tháng 7 năm 2014 và được công nhận lại Chất lượng giáo dục cấp độ 3 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II tháng 12 năm 2021.

Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí Phòng Giáo dục và Đào tạo; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây.

Trường Tiểu học Hải Hòa đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá.
- Xây dựng mục đích, phạm vi tự đánh giá.
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá.
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng.
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí.
- Viết báo cáo tự đánh giá.
- Công bố báo cáo tự đánh giá.

Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: Cấp uỷ Chi bộ, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Bí thư Chi đoàn trường, các tổ trưởng chuyên môn, các đồng chí cán bộ, giáo viên, nhân viên phụ trách các hoạt động giáo dục có liên quan.

Phân công các thành viên trong nhóm công tác là những người trực tiếp phụ trách các hoạt động giáo dục nhà trường và đã công tác, giảng dạy nhiều năm tại trường.

Kết quả của quá trình tự đánh giá:

Thực hiện tự đánh giá, nhà trường đã nhận thấy điểm mạnh, điểm yếu, từ đó đề ra được kế hoạch cải tiến chất lượng để phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu. Kỷ cương nề nếp được giữ vững, công tác quản lý được đổi mới và việc đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường chuẩn mực hơn.

Tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường đạt cấp độ 3 và trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

V. Kết quả hoạt động giáo dục:

1. Công khai thông tin quy mô trường lớp năm học 2025-2026

| Khối | Số lớp | Số HS | Nữ | HS KT | Dân tộc | Tỷ lệ HS/lớp | HS khó khăn |
|-------------|-----------|------------|------------|----------|----------|--------------|-------------|
| 1 | 4 | 150 | 76 | 0 | 0 | 37,5 | 4 |
| 2 | 4 | 165 | 73 | 0 | 0 | 41,25 | 3 |
| 3 | 4 | 149 | 69 | 0 | 0 | 37,25 | 2 |
| 4 | 4 | 129 | 54 | 0 | 0 | 32,25 | 1 |
| 5 | 4 | 157 | 83 | 1 | 0 | 39,25 | 2 |
| Cộng | 20 | 750 | 355 | 1 | 0 | 37,5 | 12 |

2. Cam kết chất lượng giáo dục của trường Tiểu học Hải Hòa, năm học 2025 - 2026.

| STT | Nội dung | Chia theo khối lớp | | | | |
|-----|----------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | | Lớp 1 | Lớp 2 | Lớp 3 | Lớp 4 | Lớp 5 |
| I | Điều kiện tuyển sinh | Xét tuyển trẻ 6 tuổi HTCT Mầm non | Hoàn thành chương trình lớp 1 | Hoàn thành chương trình lớp 2 | Hoàn thành chương trình lớp 3 | Hoàn thành chương trình lớp 4 |

| | | | | | | |
|-----|--|--|--|--|--|--|
| II | Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện: CTGDPT 2018 | Chương trình 35 tuần; Day học 2 buổi /ngày CTGDPT 2018 | Chương trình 35 tuần; Day học 2 buổi/ ngày CTGDPT 2018 | Chương trình 35 tuần; Day học 2 buổi/ngày CTGDPT2018 | Chương trình 35 tuần; Day học 2 buổi/ngày CTGDPT2018 | Chương trình 35 tuần; Day học 2 buổi/ngày CTGDPT2018 |
| III | Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. | Phối hợp thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh; qua zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. | Phối hợp thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh; qua zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. | Phối hợp thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh; qua zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. | Phối hợp thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh; qua zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. | Phối hợp thông qua Ban Đại diện cha mẹ học sinh; qua zalo, gọi điện thoại; gặp trực tiếp. |
| | Yêu cầu về thái độ học tập của hs | Tích cực, chủ động, sáng tạo |
| IV | Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục | Hoạt động Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khoá, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động Đội TNTP HCM, Sao nhi đồng,.. | Hoạt động Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khoá, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động Đội TNTP HCM, Sao nhi đồng,.. | Hoạt động Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khoá, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động Đội TNTP HCM, Sao nhi đồng,.. | Hoạt động Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khoá, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động Đội TNTP HCM, Sao nhi đồng,.. | Hoạt động Giáo dục kỹ năng sống, hoạt động ngoài giờ chính khoá, thể dục thể thao, văn nghệ, hoạt động Đội TNTP HCM, Sao nhi đồng,.. |
| V | Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được | Kết quả các năng lực, phẩm chất xếp loại Đạt và Tốt: 100 %; Chất lượng học tập tốt, chất lượng mũi nhọn tăng sức khoẻ tốt. | Kết quả các năng lực, phẩm chất xếp loại Đạt và Tốt: 100 %; Chất lượng học tập tốt, chất lượng mũi nhọn tăng sức khoẻ tốt. | Kết quả các năng lực, phẩm chất xếp loại Đạt và Tốt: 100 %; Chất lượng học tập tốt, chất lượng mũi nhọn tăng sức khoẻ tốt. | Kết quả các năng lực, phẩm chất xếp loại Đạt và Tốt: 100 %; Chất lượng học tập tốt, chất lượng mũi nhọn tăng sức khoẻ tốt. | Kết quả các năng lực, phẩm chất xếp loại Đạt và Tốt: 100 %; Chất lượng học tập tốt, chất lượng mũi nhọn tăng sức khoẻ tốt. |
| VI | Khả năng học tập tiếp tục của HS | Lên lớp 100% | Lên lớp 100% | Lên lớp 100% | Lên lớp 100% | HTCCTH 100% |

3. Chất lượng giáo dục năm học 2024-2025:

| | Toàn trường | | Lớp 1 | | Lớp 2 | | Lớp 3 | | Lớp 4 | | Lớp 5 | |
|--|-------------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|-------|--------|
| | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ | SL | Tỉ lệ |
| I. Chất lượng các môn học, hoạt động giáo dục | | | | | | | | | | | | |
| 1. Tiếng Việt | 595 | | | | | | | | | | | |
| Tiếng Việt | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 619 | 80,81% | 143 | 85,63% | 121 | 78,57% | 104 | 80,00% | 124 | 77,50% | 127 | 81,94% |
| Hoàn thành | 140 | 18,28% | 20 | 11,98% | 30 | 19,48% | 26 | 20,00% | 36 | 22,50% | 28 | 18,06% |
| Chưa hoàn thành | 7 | 0,91% | 4 | 2,40% | 3 | 1,95% | 0 | | 0 | | 0 | |
| Toán | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 609 | 79,50% | 147 | 88,02% | 122 | 79,22% | 104 | 80,00% | 112 | 70,00% | 124 | 80,00% |
| Hoàn thành | 150 | 19,58% | 16 | 9,58% | 29 | 18,83% | 26 | 20,00% | 48 | 30,00% | 31 | 20,00% |
| Chưa hoàn thành | 7 | 0,91% | 4 | 2,40% | 3 | 1,95% | 0 | | 0 | | 0 | |
| Tự nhiên và Xã hội | 451 | | 167 | | 154 | | 130 | | | | | |
| Hoàn thành tốt | 371 | 82,26% | 145 | 86,83% | 124 | 80,52% | 102 | 78,46% | | | | |
| Hoàn thành | 78 | 17,29% | 20 | 11,98% | 30 | 19,48% | 28 | 21,54% | | | | |
| Chưa hoàn thành | 2 | 0,44% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | | | | |
| Khoa học | 315 | | | | | | | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 276 | 87,62% | | | | | | | 132 | 82,50% | 144 | 92,90% |
| Hoàn thành | 39 | 12,38% | | | | | | | 28 | 17,50% | 11 | 7,10% |
| Chưa hoàn thành | 0 | | | | | | | | 0 | | 0 | |
| Lịch sử và Địa lí | 315 | | | | | | | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 257 | 81,59% | | | | | | | 124 | 77,50% | 133 | 85,81% |
| Hoàn thành | 58 | 18,41% | | | | | | | 36 | 22,50% | 22 | 14,19% |
| Chưa hoàn thành | 0 | | | | | | | | 0 | | 0 | |
| Tiếng Anh | 445 | | | | | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 338 | 75,96% | | | | | 93 | 71,54% | 110 | 68,75% | 135 | 87,10% |
| Hoàn thành | 107 | 24,04% | | | | | 37 | 28,46% | 50 | 31,25% | 20 | 12,90% |
| Chưa hoàn thành | 0 | | | | | | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% | 0 | 0,00% |
| Tin học | 445 | | | | | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 366 | 82,25% | | | | | 108 | 83,08% | 128 | 80,00% | 130 | 83,87% |
| Hoàn thành | 79 | 17,75% | | | | | 22 | 16,92% | 32 | 20,00% | 25 | 16,13% |
| Chưa hoàn thành | 0 | | 0 | | | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Đạo đức | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 649 | 84,73% | 150 | 89,82% | 126 | 81,82% | 104 | 80,00% | 135 | 84,38% | 134 | 86,45% |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------------------------------------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|
| Hoàn thành | 115 | 15,01% | 15 | 8,98% | 28 | 18,18% | 26 | 20,00% | 25 | 15,63% | 21 | 13,55% |
| Chưa hoàn thành | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Âm nhạc | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 614 | 80,16% | 141 | 84,43% | 122 | 79,22% | 104 | 80,00% | 131 | 81,88% | 116 | 74,84% |
| Hoàn thành | 150 | 19,58% | 24 | 14,37% | 32 | 20,78% | 26 | 20,00% | 29 | 18,13% | 39 | 25,16% |
| Chưa hoàn thành | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Mĩ thuật | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 622 | 81,20% | 140 | 83,83% | 125 | 81,17% | 105 | 80,77% | 131 | 81,88% | 121 | 78,06% |
| Hoàn thành | 143 | 18,67% | 26 | 15,57% | 29 | 18,83% | 25 | 19,23% | 29 | 18,13% | 34 | 21,94% |
| Chưa hoàn thành | 1 | 0,13% | 1 | 0,60% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Hoạt động trải nghiệm | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 636 | 83,03% | 145 | 86,83% | 127 | 82,47% | 105 | 80,77% | 134 | 83,75% | 125 | 80,65% |
| Hoàn thành | 128 | 16,71% | 20 | 11,98% | 27 | 17,53% | 25 | 19,23% | 26 | 16,25% | 30 | 19,35% |
| Chưa hoàn thành | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Giáo dục thể chất | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 626 | 81,72% | 143 | 85,63% | 126 | 81,82% | 104 | 80,00% | 133 | 83,13% | 120 | 77,42% |
| Hoàn thành | 140 | 18,28% | 24 | 14,37% | 28 | 18,18% | 26 | 20,00% | 27 | 16,88% | 35 | 22,58% |
| Chưa hoàn thành | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Công nghệ | 445 | | | | | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành tốt | 387 | 86,97% | | | | | 115 | 88,46% | 138 | 86,25% | 134 | 86,45% |
| Hoàn thành | 58 | 13,03% | | | | | 15 | 11,54% | 22 | 13,75% | 21 | 13,55% |
| Chưa hoàn thành | | | | | | | | | | | | |
| II. Năng lực | | | | | | | | | | | | |
| 1. Những năng lực chung | | | | | | | | | | | | |
| Tự chủ và tự học | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 634 | 82,77% | 147 | 88,02% | 132 | 85,71% | 100 | 76,92% | 130 | 81,25% | 125 | 80,65% |
| Đạt | 129 | 16,84% | 17 | 10,18% | 22 | 14,29% | 30 | 23,08% | 30 | 18,75% | 30 | 19,35% |
| Cần cố gắng | 3 | 0,39% | 3 | 1,80% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Giao tiếp và hợp tác | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 631 | 82,38% | 148 | 88,62% | 134 | 87,01% | 98 | 75,38% | 128 | 80,00% | 123 | 79,35% |
| Đạt | 133 | 17,36% | 17 | 10,18% | 20 | 12,99% | 32 | 24,62% | 32 | 20,00% | 32 | 20,65% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Giải quyết vấn đề và sáng tạo | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 621 | 81,07% | 142 | 85,03% | 133 | 86,36% | 97 | 74,62% | 125 | 78,13% | 124 | 80,00% |

| | | | | | | | | | | | | |
|----------------------------------|-----|--------|-----|--------|-----|---------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|
| Đạt | 142 | 18,54% | 22 | 13,17% | 21 | 13,64% | 33 | 25,38% | 35 | 21,88% | 31 | 20,00% |
| Cần cố gắng | 3 | 0,39% | 3 | 1,80% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| 2. Những năng lực đặc thù | | | | | | | | | | | | |
| Ngôn ngữ | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 614 | 80,16% | 143 | 85,63% | 127 | 82,47% | 97 | 74,62% | 121 | 75,63% | 126 | 81,29% |
| Đạt | 148 | 19,32% | 20 | 11,98% | 27 | 17,53% | 33 | 25,38% | 39 | 24,38% | 29 | 18,71% |
| Cần cố gắng | 4 | 0,52% | 4 | 2,40% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Tính toán | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 628 | 81,98% | 150 | 89,82% | 126 | 81,82% | 102 | 78,46% | 126 | 78,75% | 124 | 80,00% |
| Đạt | 135 | 17,62% | 14 | 8,38% | 28 | 18,18% | 28 | 21,54% | 34 | 21,25% | 31 | 20,00% |
| Cần cố gắng | 3 | 0,39% | 3 | 1,80% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Khoa học | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 639 | 83,42% | 150 | 89,82% | 123 | 79,87% | 110 | 84,62% | 128 | 80,00% | 128 | 82,58% |
| Đạt | 125 | 16,32% | 15 | 8,98% | 31 | 20,13% | 20 | 15,38% | 32 | 20,00% | 27 | 17,42% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Công nghệ | 445 | | | | | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 361 | 81,12% | | | | | 105 | 80,77% | 130 | 81,25% | 126 | 81,29% |
| Đạt | 84 | 18,88% | | | | | 25 | 19,23% | 30 | 18,75% | 29 | 18,71% |
| Cần cố gắng | 0 | | | | | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Tin học | 445 | | | | | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 362 | 81,35% | | | | | 106 | 81,54% | 129 | 80,63% | 127 | 81,94% |
| Đạt | 83 | 18,65% | | | | | 24 | 18,46% | 31 | 19,38% | 28 | 18,06% |
| Cần cố gắng | 0 | | | | | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Thẩm mỹ | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 636 | 83,03% | 146 | 87,43% | 124 | 80,52% | 107 | 82,31% | 131 | 81,88% | 128 | 82,58% |
| Đạt | 128 | 16,71% | 19 | 11,38% | 30 | 19,48% | 23 | 17,69% | 29 | 18,13% | 27 | 17,42% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Thể chất | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 645 | 84,20% | 144 | 86,23% | 129 | 83,77% | 110 | 84,62% | 133 | 83,13% | 129 | 83,23% |
| Đạt | 119 | 15,54% | 21 | 12,57% | 25 | 16,23% | 20 | 15,38% | 27 | 16,88% | 26 | 16,77% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| III. Phẩm chất cơ bản | | | | | | | | | | | | |
| Yêu nước | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 710 | 92,69% | 160 | 95,81% | 154 | 100,00% | 114 | 87,69% | 144 | 90,00% | 138 | 89,03% |
| Đạt | 55 | 7,18% | 6 | 3,59% | 0 | 0,00% | 16 | 12,31% | 16 | 10,00% | 17 | 10,97% |
| Cần cố gắng | 1 | 0,13% | 1 | 0,60% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Nhân ái | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 682 | 89,03% | 157 | 94,01% | 137 | 88,96% | 114 | 87,69% | 136 | 85,00% | 138 | 89,03% |
| Đạt | 83 | 10,84% | 9 | 5,39% | 17 | 11,04% | 16 | 12,31% | 24 | 15,00% | 17 | 10,97% |

| | | | | | | | | | | | | |
|----------------------------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|-----|--------|
| Cần cố gắng | 1 | 0,13% | 1 | 0,60% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Chăm chỉ | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 639 | 83,42% | 149 | 89,22% | 121 | 78,57% | 107 | 82,31% | 135 | 84,38% | 127 | 81,94% |
| Đạt | 124 | 16,19% | 15 | 8,98% | 33 | 21,43% | 23 | 17,69% | 25 | 15,63% | 28 | 18,06% |
| Cần cố gắng | 3 | 0,39% | 3 | 1,80% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Trung thực | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 674 | 87,99% | 153 | 91,62% | 134 | 87,01% | 113 | 86,92% | 144 | 90,00% | 130 | 83,87% |
| Đạt | 90 | 11,75% | 12 | 7,19% | 20 | 12,99% | 17 | 13,08% | 16 | 10,00% | 25 | 16,13% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| Trách nhiệm | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Tốt | 637 | 83,16% | 147 | 88,02% | 122 | 79,22% | 108 | 83,08% | 134 | 83,75% | 126 | 81,29% |
| Đạt | 127 | 16,58% | 18 | 10,78% | 32 | 20,78% | 22 | 16,92% | 26 | 16,25% | 29 | 18,71% |
| Cần cố gắng | 2 | 0,26% | 2 | 1,20% | 0 | | 0 | | 0 | | 0 | |
| IV. Khen thưởng | | 67,75% | | | | | | | | | 97 | 62,58% |
| -Giấy khen cấp trường | 519 | 67,75% | 126 | 75,45% | 108 | 70,13% | 90 | 69,23% | 98 | 61,25% | 97 | 62,58% |
| -Giấy khen cấp trên | | | | | | | | | | | | |
| VIII. Chương trình lớp học | 766 | | 167 | | 154 | | 130 | | 160 | | 155 | |
| Hoàn thành | 759 | 99,09% | 163 | 97,60% | 151 | 98,05% | 130 | | 160 | | 155 | |
| Chưa hoàn thành | 7 | 0,91% | 4 | 2,40% | 3 | 1,95% | 0 | | 0 | | 0 | |

4. Kết quả hoạt động giáo dục đến thời điểm tháng 12 năm 2025.

Cán bộ, giáo viên ra sức thực hiện tốt chủ đề năm học 2025-2026 của ngành giáo dục: **“Kỷ cương - Sáng tạo - Đột phá - Phát triển”**, chú trọng thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Tổ chức thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học bảo đảm chất lượng, đúng mục tiêu, yêu cầu cần đạt đối với học sinh (HS) theo quy định. Tiếp tục triển khai dạy học 2 buổi/ngày.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS. Đẩy mạnh triển khai giáo dục STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng công dân số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

- Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo công bằng trong giáo dục. Quan tâm hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn; thực hiện đầy đủ, hiệu quả giáo dục hòa nhập cho HS khuyết tật.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quản lý, kiểm tra, đánh giá; thực hiện số hóa hồ sơ, sổ

sách bảo đảm tinh gọn, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng công tác phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học; giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong, nề nếp theo phương châm 4 tốt “Môi trường giáo dục tốt; Quản lý tốt; Dạy tốt và Học tốt”, “Trường học hạnh phúc”.

- Việc tổ chức các hoạt động ngoài giờ chính khoá được nhà trường thực hiện có hiệu quả với các hình thức phong phú, đa dạng. Hàng tuần các em được giao lưu văn nghệ, sinh hoạt dưới cờ, tham gia các hoạt động NGLL: dân vũ, võ cổ truyền, trò chơi dân gian, được tham gia các hoạt động trải nghiệm: làm thiệp chúc mừng các bà các mẹ, chúc mừng thầy cô, cắm hoa, trang trí góc học tập... Hàng tháng nhà trường tổ chức các hoạt động theo chủ đề, chủ điểm.

- Thực hiện các quy định chuyên môn:

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học phù hợp với tình hình thực tế, bám sát chỉ đạo của ngành.

Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

Quản lý, lựa chọn, sử dụng sách giáo khoa, tài liệu và thiết bị dạy học đúng quy định, đảm bảo đủ cho các lớp học.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày cho 100% các lớp.

Chất lượng giáo dục duy trì ổn định, học sinh chăm ngoan, tích cực tham gia các phong trào của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

- Các hoạt động tiêu biểu đã thực hiện trong năm học là: Chuỗi hoạt động chào mừng 15/10 đón thư Bác, chào mừng Ngày 20/10, chào mừng 43 năm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11;... tổ chức hoạt động ngoại khóa tuyên truyền, hướng dẫn kỹ năng phòng cháy chữa cháy, thực hiện an toàn giao thông và giáo dục ý thức chấp hành pháp luật; Tuyên truyền giáo dục về phòng tránh các tai tệ nạn tuổi học sinh, an toàn giao thông; Học sinh được tham gia rất nhiều hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp nên các em mạnh dạn, tự tin, phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất, sở trường.

- Giáo dục học sinh thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy. Xây dựng văn hóa học đường, tăng cường công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội trong trường học; xây dựng môi trường trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện và phòng, chống bạo lực học đường, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tội phạm.

* Kết quả kiểm tra Giữa học kỳ I đối với học sinh khối 4,5 môn Toán và Tiếng Việt:

| STT | Khối 4 (1 KT) | | Khối 5 | | Ghi chú |
|-----------------------|----------------|--------|----------------|--------|---------|
| | SL (129 HS) | % | SL (155 HS) | % | |
| Môn Toán | | | | | |
| Điểm 10 | 62 | 48,06% | 48 | 30,97% | |
| Điểm 9 | 30 | 23,26% | 52 | 33,55% | |
| Điểm 8 | 21 | 16,28% | 21 | 13,55% | |
| Điểm 7 | 8 | 6,20% | 15 | 9,68% | |
| Điểm 6 | 2 | 1,55% | 10 | 6,45% | |
| Điểm 5 | 3 | 2,33% | 5 | 3,23% | |
| Điểm dưới 5 | 3 | 2,33% | 4 | 2,58% | |
| Môn Tiếng Việt | | | | | |
| Điểm 10 | 19 | 14,73% | 51 | 32,90% | |
| Điểm 9 | 54 | 41,86% | 61 | 39,35% | |
| Điểm 8 | 26 | 20,16% | 29 | 18,71% | |
| Điểm 7 | 16 | 12,40% | 7 | 4,52% | |
| Điểm 6 | 7 | 5,43% | 1 | 0,65% | |
| Điểm 5 | 6 | 4,65% | 6 | 3,87% | |
| Điểm dưới 5 | 1 | 0,78% | 0 | 0 % | |

VI. Kết quả tài chính:

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo:

- Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính, Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính, công khai mua sắm đồ dùng đồ chơi,

- Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung của nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng tài sản công (*công khai mua sắm đồ dùng đồ chơi, công cụ, dụng cụ, mua sắm, sửa chữa tài sản công*).

- Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ

thống giáo dục quốc dân.

Trường Tiểu học Hải Hòa công khai tài chính gồm:

- Công khai số liệu giao dự toán NSNN năm 2025, bổ sung dự toán trong năm 2025 (Biểu số 2 - Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai thực hiện Dự toán Thu- Chi Ngân sách quý 1,2,3/2025, 6 tháng đầu năm 2025 (Biểu số 3- Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai số liệu quyết toán NSNN năm 2024 (Biểu số 4 -Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018).

- Công khai tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản công năm 2025 (Mẫu số 09a-CK/TSC - Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.)

- Công khai tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định khác năm 2025 (Mẫu số 09c-CK/TSC - Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính.)

- Công khai kết quả vận động tài trợ tăng cường cơ sở vật chất năm học 2024-2025, kế hoạch vận động tài trợ tăng cường cơ sở vật chất năm học 2025-2026.

b. Mức các khoản thu năm học 2025-2026

| STT | Nội dung thu | ĐVT | Định mức thu năm học 2025-2026 | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------|--|--------------------------------|---|
| 1 | Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh | đồng/tháng/HS | 18.000 | |
| 2 | Tiền nước uống | đồng/tháng/HS | 10.000 | |
| 3 | Trông giữ xe đạp | đồng/tháng/HS | 10.000 | Đối với học sinh đăng ký |
| 4 | Bảo hiểm y tế học sinh | đồng/tháng/học sinh | 52.650 | Thu theo mức lương cơ bản nhà nước quy định |
| 5 | Vận động tài trợ cho cơ sở giáo dục | Vận động tài trợ, viện trợ từ các đơn vị, cá nhân trong và ngoài xã, các nhà hảo tâm, cựu học sinh, hội đồng hương,... | | |

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội:

Trong năm học 2025-2026 nhà trường đã thực hiện đúng, nghiêm túc về

chế độ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho các học sinh thuộc đối tượng chính sách.

VII. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác:

1. Công tác quản lý, ban hành văn bản và tổ chức bộ máy

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT và UBND xã Hải Xuân. Lãnh đạo nhà trường đã ban hành đầy đủ các quy chế, quy định nội bộ như: Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ cơ sở, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thi đua - khen thưởng, Quy định quản lý tài sản và hồ sơ sổ sách.

Các văn bản được phổ biến công khai đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và được niêm yết tại phòng hội đồng. Công tác giáo dục pháp luật, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước được triển khai thường xuyên thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chào cờ đầu tuần và sinh hoạt Đội.

2. Xây dựng tổ chức, bộ máy và công tác kiểm tra nội bộ

Nhà trường hiện có 33 CB, GV, NV; Trong đó có 01 giáo viên dạy văn hóa và 01 nhân viên thư viện hợp đồng, đảm bảo đủ giáo viên giảng dạy theo quy định. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tích cực đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy.

Công tác kiểm tra nội bộ được triển khai đúng kế hoạch, chú trọng kiểm tra hoạt động chuyên môn, hồ sơ sổ sách, nền nếp dạy học và việc thực hiện quy chế chuyên môn. Các tổ chuyên môn hoạt động nền nếp, có hiệu quả.

3. Công tác đoàn thể

Chi bộ nhà trường luôn giữ vai trò hạt nhân chính trị, lãnh đạo toàn diện các hoạt động của nhà trường. Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, Chi đoàn thanh niên hoạt động tích cực, tổ chức nhiều phong trào thi đua thiết thực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

4. Thực hiện công tác xã hội hóa giáo dục, quản lý dạy thêm học thêm

Nhà trường không tổ chức dạy thêm, học thêm trái quy định; thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của ngành. Công tác xã hội hóa giáo dục hàng năm đạt kết quả tốt, nhận được sự ủng hộ tích cực của cha mẹ học sinh và các tổ chức xã hội trong việc sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị phục vụ cho dạy học. Trong tháng 11 của năm học 2025-2026, nhà trường đang xây dựng kế hoạch tổ chức vận động tài trợ để tăng cường, bổ sung trang thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu mới.

5. Quản lý tài chính, thực hiện công khai

Nhà trường thực hiện đầy đủ các quy định về thu, chi, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính, đảm bảo đúng nguyên tắc, minh bạch, công khai theo Thông tư Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT. Các khoản thu, chi được thông báo công khai tới cha mẹ học sinh và niêm yết tại trường theo Công văn số 927/SGDDT-TC ngày 25/9/2025 của Sở GDĐT Ninh Bình và hướng dẫn 242/UBND-VHXH ngày 30/9/2025 của UBND xã Hải Xuân.

6. Công tác an ninh, an toàn trường học và xây dựng trường học hạnh phúc, công tác học sinh

Nhà trường chú trọng xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, hạnh phúc. Công tác phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống đuối nước được triển khai thường xuyên.

Các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao, giáo dục kỹ năng sống, chăm sóc sức khỏe học sinh được tổ chức định kỳ, tạo không khí học đường tích cực và gần gũi.

7. Công tác thi đua, khen thưởng và nghiên cứu khoa học

Nhà trường phát động phong trào thi đua ngay từ đầu năm học, gắn thi đua với các đợt cao điểm chào mừng các ngày lễ lớn. Nhiều giáo viên có sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng hiệu quả trong giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng chuyên môn.

8. Thực hiện chế độ, chính sách đối với giáo viên và học sinh

Nhà trường thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh theo quy định. Các đối tượng học sinh có hoàn cảnh khó khăn được quan tâm, hỗ trợ kịp thời thông qua Quỹ Khuyến học và các nguồn xã hội hóa hợp pháp.

9. Tham gia các phong trào của địa phương

Phối kết hợp với đoàn thanh niên xã tổ chức hoạt động cắm trại thu và đêm hội trăng rằm cho thiếu niên và nhi đồng toàn xã.

Tham gia biểu diễn văn nghệ, làm trọng tài thi đấu TDTT nhân kỷ niệm 80 năm ngày Quốc khánh và CMT8 tại xã.

CBGVNV hưởng ứng và tham gia tích cực các hoạt động ở khu dân cư và địa phương phát động.

B. Hình thức và thời điểm công khai:

1. Hình thức:

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết,

thông báo, đưa lên công thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyên biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng. Trường Tiểu học Hải Hòa là địa chỉ tin cậy để cha mẹ học sinh gửi con vào học.

2. Thời điểm công khai:

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ tháng 12/2025.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2026 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hải Xuân.

- Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

- Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

- Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

- Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- Nhà trường;
- Công khai bảng tin, website trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Thị Yên